

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **95/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 03/5/2024

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Ngân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Toàn**

Bà **Lê Thị Phương Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mai Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Thị L**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: **Lê Hữu N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, Tiền Giang.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:*

Chị và anh Lê Hữu N tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Châu

Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh N đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh N nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Diệu H, sinh năm 1996; Lê Thị Diệu Á, sinh năm 1999 và Lê Thị Diệu Á, sinh ngày 02/2/2006. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Lê Hữu N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh N cũng không tham gia hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Võ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “ Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Võ Thị L và anh Lê Hữu N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 11 tháng 3 năm 1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị Võ Thị L và anh Lê Hữu N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thời gian sống ly thân giữa chị L và anh N đến nay cũng khá lâu nhưng anh chị không liên lạc với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh N cũng không có mặt mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, như

vậy chứng tỏ anh N đã không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Diệu H, sinh năm 1996; Lê Thị Diệu Á, sinh năm 1999 và Lê Thị Diệu Á, sinh ngày 02/2/2006. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí HNGĐ – ST theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Võ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định. Bị đơn anh Lê Hữu N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Lê Hữu N.

2. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L1 đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0011990 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do đó xem như chị L đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Ngân